

Số: 145 /25/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 75/VDN/2024 ngày 08/10/2024****TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;
- Căn cứ thông báo số 0022/25/TB-VDN ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam về việc cập nhật tên và địa chỉ Tiếng Trung-Anh-Việt của Công ty và các Chi nhánh;
- Theo đề nghị của Phòng marketing văn phòng Tổng Giám Đốc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi hồ sơ tự công bố, nhãn của sản phẩm “Lạp xưởng tươi Đài Loan vị truyền thống”, TCCS 75/VDN/2024 ngày 08/10/2024 để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nội dung cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Địa chỉ nhà sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ-FOOD K2-5, KCN Tân Kim Mở rộng, thị trấn Cầu Giuộc, huyện Cầu Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ-FOOD K2-5, KCN Tân Kim Mở Rộng, Xã Cầu Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
2	Địa chỉ nhà thương nhân phân phối và chịu trách nhiệm sản phẩm	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3	Thành phần (bổ sung thêm chữ INS)	Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (262(i), 260), chất chống oxy hóa (316), phẩm màu tự nhiên (120).	Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (INS 1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (INS 621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 260), chất chống oxy hóa (INS 316), phẩm màu tự nhiên (INS 120).																																										
4	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>kcal/100g</td> <td>≥ 300</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Chất béo</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 20</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>≤ 700</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>≤ 20</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Năng lượng	kcal/100g	≥ 300	Chất đạm	g/100g	≥ 10	Carbohydrat	g/100g	≥ 10	Chất béo	g/100g	≥ 20	Natri	mg/100g	≤ 700	Đường tổng số	g/100g	≤ 20	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>kcal/100g</td> <td>≥ 200</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 8</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 8</td> </tr> <tr> <td>Chất béo</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>≤ 700</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>≤ 20</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Năng lượng	kcal/100g	≥ 200	Chất đạm	g/100g	≥ 8	Carbohydrat (không bao gồm xơ)	g/100g	≥ 8	Chất béo	g/100g	≥ 10	Natri	mg/100g	≤ 700	Đường tổng số	g/100g	≤ 20
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																																											
Năng lượng	kcal/100g	≥ 300																																											
Chất đạm	g/100g	≥ 10																																											
Carbohydrat	g/100g	≥ 10																																											
Chất béo	g/100g	≥ 20																																											
Natri	mg/100g	≤ 700																																											
Đường tổng số	g/100g	≤ 20																																											
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																																											
Năng lượng	kcal/100g	≥ 200																																											
Chất đạm	g/100g	≥ 8																																											
Carbohydrat (không bao gồm xơ)	g/100g	≥ 8																																											
Chất béo	g/100g	≥ 10																																											
Natri	mg/100g	≤ 700																																											
Đường tổng số	g/100g	≤ 20																																											
5	Nội dung ghi nhãn	Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.	Nội dung ghi nhãn phù hợp với: <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm. 																																										



Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các đơn vị liên quan của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu: VPTGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao
Ni Chih Hao



Số: 1514 /25/CV-VDN

Về việc thông báo sửa đổi nhãn và hồ sơ công bố
số TCCS 75/VDN/2024

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Lạp xưởng tươi Đài Loan vị truyền thống” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh đã thực hiện tự công bố số TCCS 75/VDN/2024 và được đăng tải trên trang thông tin điện tử dongnai.vfa.gov.vn ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Trong Hồ sơ tự công bố nói trên, Công ty chúng tôi có kèm theo nhãn hàng hóa có khối lượng tịnh 200 g và 500 g.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, nay Công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố và nhãn của sản phẩm nêu trên để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nội dung cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Địa chỉ nhà sản xuất	CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ-FOOD K2-5, KCN Tân Kim Mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ-FOOD K2-5, KCN Tân Kim Mở Rộng, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
2	Địa chỉ nhà thương nhân phân phối và chịu trách nhiệm sản phẩm	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3	Thành phần (bổ sung thêm chữ INS)	Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (262(i), 260), chất chống oxy hóa (316), phẩm màu tự nhiên (120).	Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (INS 1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (INS 621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 260), chất chống oxy hóa (INS 316), phẩm màu tự nhiên (INS 120).																																										
4	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>kcal/100g</td> <td>≥ 300</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Chất béo</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 20</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>≤ 700</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>≤ 20</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Năng lượng	kcal/100g	≥ 300	Chất đạm	g/100g	≥ 10	Carbohydrat	g/100g	≥ 10	Chất béo	g/100g	≥ 20	Natri	mg/100g	≤ 700	Đường tổng số	g/100g	≤ 20	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>kcal/100g</td> <td>≥ 200</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 8</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 8</td> </tr> <tr> <td>Chất béo</td> <td>g/100g</td> <td>≥ 10</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>≤ 700</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>≤ 20</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Năng lượng	kcal/100g	≥ 200	Chất đạm	g/100g	≥ 8	Carbohydrat (không bao gồm xơ)	g/100g	≥ 8	Chất béo	g/100g	≥ 10	Natri	mg/100g	≤ 700	Đường tổng số	g/100g	≤ 20
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																																											
Năng lượng	kcal/100g	≥ 300																																											
Chất đạm	g/100g	≥ 10																																											
Carbohydrat	g/100g	≥ 10																																											
Chất béo	g/100g	≥ 20																																											
Natri	mg/100g	≤ 700																																											
Đường tổng số	g/100g	≤ 20																																											
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																																											
Năng lượng	kcal/100g	≥ 200																																											
Chất đạm	g/100g	≥ 8																																											
Carbohydrat (không bao gồm xơ)	g/100g	≥ 8																																											
Chất béo	g/100g	≥ 10																																											
Natri	mg/100g	≤ 700																																											
Đường tổng số	g/100g	≤ 20																																											
5	Nội dung ghi nhãn	Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.	Nội dung ghi nhãn phù hợp với: - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.																																										

Nhãn sau sửa đổi như phụ kiện đính kèm.

Thời gian áp dụng: Kể từ khi sử dụng hết lượng nhãn cũ tồn kho.



Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTGD, Phòng ĐBCL





Lạp Xưởng Tươi Đãi Loạn

Vị truyền thống

Tỷ Lệ Vàng



Giữa Thịt Và Mỡ



Khối lượng tịnh
500 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (INS 1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (INS 621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 260), chất chống oxy hóa (INS 316), phẩm màu tự nhiên (INS 120).

Hướng dẫn sử dụng: Chiên, nướng hoặc chế biến tùy ý (nên khứa nhẹ lap xưởng trước khi chế biến).

- Rã đông sản phẩm trước khi chế biến.
- Khi chiên nên chiên lửa nhỏ (nhiệt độ khoảng 120°C trong 3 - 4 phút).

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- 2 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ ≤ -18°C.
- Khi đã mở túi nên dùng hết trong vòng 02 ngày và bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc khi dị ứng với các thành phần có trong sản phẩm.

Trong đây chuyên sản xuất có thể chứa đạm đậu nành.
TCCS 75/VDN/2024

Sân phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

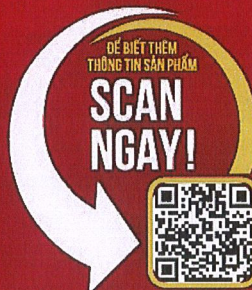
Website: www.vedan.com.vn / Free hotline: 1800 599 902

Sân xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ - FOOD
Địa chỉ: K2-5, KCN Tân Kim mở rộng, Xã Tân Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng
(có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≥	200 kcal
Chất đạm	≥	8 g
Carbohydrat	≥	8 g
Chất béo	≥	10 g
Natri	≥	700 mg
Đường tổng số	≤	20 g



WEBSITE



8 935 102 421 427



FACEBOOK



Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng
(có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≥	200 kcal
Chất đạm	≥	8 g
Carbohydrat	≥	8 g
Chất béo	≥	10 g
Natri	≤	700 mg
Đường tổng số	≤	20 g

Sản phẩm của:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn / Free hotline: 1800 599 902

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ - FOOD
Địa chỉ: K2-5, KCN Tân Kim mở rộng, Xã Tân Giuộc,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.



VEDAN

Lạp Xương Tươi Đài Loan
Vị truyền thống

Tỷ Lệ Vàng



Giữa Thịt Và Mỡ

Khối lượng tịnh
200 g



Hình ảnh chỉ mang
tính chất minh họa



Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (INS 1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (INS 621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 260), chất chống oxy hóa (INS 316), phẩm màu tự nhiên (INS 120).

Hướng dẫn sử dụng: Chiên, nướng hoặc chế biến tùy ý (nên khứa nhẹ lạp xương trước khi chế biến).
• Rã đông sản phẩm trước khi chế biến.
• Khi chiên nên chiên lửa nhỏ (nhiệt độ khoảng 120°C trong 3 - 4 phút).

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- 2 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ ≤ -18°C.
- Khi đã mở túi nên dùng hết trong vòng 02 ngày và bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc khi đi ứng với các thành phần có trong sản phẩm. Trong dây chuyền sản xuất có thể chứaدام đầu nành.
TCCS 75/VDN/2024

